

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP ĐỨC
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **47/2019/HNGĐ-ST**

Ngày 30-7-2019

*“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP ĐỨC, TỈNH QUẢNG NAM

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Tiến Lãnh**

- Các Hội thẩm nhân dân: + Ông **Hứa Văn Hòa;**

+ Ông **Nguyễn Phước Niên.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Tuấn Huy** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà **Đặng Thị Hồng Được** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 26/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2019 về việc *“Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Như T**; Sinh năm: 1992; Có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Q.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn G**; Sinh năm: 1984; Có mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện H, tỉnh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 15/5/2019, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Như T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Nguyễn Văn G kết hôn vào ngày 13/01/2015 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Q. Trong quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã. Nguyên nhân là do anh G hay ăn nhậu, nghiện game, không chăm lo gia đình, và nhiều lần hành hung chị. Chị T và anh G hiện tại đang sống ly thân gần ba tháng. Nay, chị T nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh G.

Về con chung: Chị T và anh G có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 05/5/2016. Khi ly hôn chị T mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm

sóc, giáo dục con đến tuổi trưởng thành. Chị T không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Nguyễn Văn G trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Như T kết hôn vào ngày 13/01/2015, hôn nhân của chúng tôi là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Q. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, hay cãi vã, chị T không làm tròn trách nhiệm của người vợ, người mẹ, ngoại tình, hay cãi lại cha mẹ chồng. Hiện tại tôi và chị T đã sống ly thân gần ba tháng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt. Nay, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn, tôi thống nhất.

Về con chung: Tôi và chị T có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 05/5/2016, hiện tại cháu đang sống tại nhà tôi. Tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Hiệp Đức đã xác định quan hệ tranh chấp, thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; quyền, lợi ích của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung vụ án: Xét thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa các đương sự là có thật; Chị T và anh G đã ly thân không sống chung, không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng. Chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm chị T và anh G thống nhất ly hôn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng đối với việc tranh chấp nuôi con chung giữa chị T và anh G; để có cơ sở xem xét giao con cho ai là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Đề nghị Hội đồng xét xử tạm dừng phiên tòa để cho anh G gia cung cấp chứng cứ về khả năng, điều kiện kinh tế để nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Như T về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với anh Nguyễn Văn G đảm bảo hình thức, nội dung quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh G cư trú tại thôn N, xã B, huyện H, tỉnh Q nên Tòa án nhân dân huyện H có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Như T và anh Nguyễn Văn G chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Q. Việc kết hôn của chị T và anh G đảm bảo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được thừa nhận và làm phát sinh các quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng. Trong quá trình hòa giải và tại phiên Tòa hôm nay chị T và anh G thống nhất ly hôn. Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly

hôn giữa chị T và anh G là phù hợp theo quy định tại điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Như T và anh Nguyễn Văn G có một con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 05/5/2016. Chị T yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu T đến khi cháu đến tuổi trưởng thành (*18 tuổi*). Chị không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh G không thống nhất với yêu cầu của chị T, anh G yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T đến khi cháu T đến tuổi trưởng thành (*18 tuổi*), không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị tạm dừng tạm dừng phiên tòa để cho anh Gia cung cấp chứng cứ về khả năng, điều kiện kinh tế có đảm bảo để nuôi con không. Xét thấy các chứng cứ có tại hồ sơ và xét hỏi tại phiên tòa thì hiện nay anh G và chị T đang sống ly thân gần ba tháng, chị Tiên đang sinh sống, ở trọ nhà anh ruột, làm việc tại thành phố Đ, chưa có nhà ở ổn định. Từ ngày vợ chồng anh G, chị T sống ly thân đến nay cháu T được anh G chăm sóc nuôi dưỡng vẫn phát triển tốt. Hiện nay anh G là giảng viên trường Đại học D - thành phố Đ, có nhà ở ổn định, có quán bán cà phê, kinh tế thu nhập ổn định. Hội đồng xét xử xét thấy vì sự phát triển bình thường của cháu T, nên giao cháu T cho anh G tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (*18 tuổi*) và anh Gia không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh G. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của chị T về việc nuôi con chung.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa thì Tòa án thực hiện trình tự, thủ tục giải quyết vụ án đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Chị Nguyễn Thị Như T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn Cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Điều a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 ban hành ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

- 1. Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Chị Nguyễn Thị Như T với anh Nguyễn Văn G.
- 2. Về con chung:** Giao cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 05/5/2016 cho anh Nguyễn Văn G trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành (*18 tuổi*). Anh G không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Như T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0005024 ngày 17/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu AV, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tiến Lãnh

